

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN THƯƠNG TÍN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 9 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. Tài sản ngắn hạn	100		6,000,426,175,052	5,143,976,452,140
<i>I. Tiền</i>	110	V.01	1,616,815,705,276	138,631,582,781
1. Tiền	111		533,815,705,276	103,669,781,531
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,083,000,000,000	34,961,801,250
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.02	649,132,537,674	375,835,285,437
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		283,024,457,636	210,275,134,376
2. Đầu tư ngắn hạn khác	128		438,051,147,501	238,348,217,236
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(71,943,067,463)	(72,788,066,175)
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.03	1,773,942,831,453	1,734,747,354,396
1. Phải thu khách hàng	131		1,055,002,100,709	202,914,323,709
2. Trả trước cho người bán	132		261,900,536,163	528,321,524,329
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	3,309,972,009
5. Các khoản phải thu khác	138		457,072,775,731	1,000,234,115,499
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(32,581,150)	(32,581,150)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.04	1,888,624,934,393	2,777,788,554,588
1. Hàng tồn kho	141		1,888,624,934,393	2,777,825,056,852
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(36,502,264)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.05	71,910,166,256	116,973,674,938
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,162,851,590	953,314,813
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5,180,923,501	6,499,942,014
3. Các khoản thuế phải thu	154		4,074,538,711	219,625,909
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		61,491,852,454	109,300,792,202
B. Tài sản dài hạn	200		1,639,405,040,260	1,496,448,068,417
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
- Nguyên giá	225		3,203,776,716	3,203,776,716
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1,284,091,801)	(1,160,486,077)
3. TSCĐ vô hình	227	V.08	788,759,183	3,551,900,940
- Nguyên giá	228		2,080,256,639	4,988,175,312
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,291,497,456)	(1,436,274,372)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	2,400,374,469
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	1,568,631,794,102	1,275,184,675,551
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		439,660,747,931	587,235,356,623
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1,145,152,989,491	706,193,467,673
<i>4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn</i>	229		(16,181,943,320)	(18,244,148,745)
<i>2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>	262		-	22,195,594
3. Tài sản dài hạn khác	268		2,369,374,600	2,836,333,525
VI. Lợi thế thương mại	269	V.11	-	108,667,777,891
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7,639,831,215,312	6,575,303,966,777

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. Nợ phải trả	300		5,345,689,934,625	4,482,809,630,465
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		3,283,702,535,205	2,711,380,770,613
<i>1. Vay và nợ ngắn hạn</i>	311	V.12	1,575,871,240,395	738,787,625,960
<i>2. Phải trả cho người bán</i>	312	V.13	322,131,910,716	180,262,453,402
<i>3. Người mua trả tiền trước</i>	313	V.13	676,878,083,462	78,507,518,611
<i>4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</i>	314	V.14	183,347,496,294	47,371,239,916

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN THƯƠNG TÍN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 9 năm 2010

Đơn vị tính: VND

7. Phải trả nội bộ		317	-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	406,125,047,933	1,578,634,641,786
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		21,214,230,969	21,503,219,447
II. Nợ dài hạn	330		2,061,987,399,420	1,771,428,859,852
1. Phải trả dài hạn khác	333		335,780,255	687,369,362
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	2,061,651,619,165	1,770,678,204,865
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	63,285,625
4. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	400	V.19	2,289,240,585,187	1,814,044,886,521
I. Nguồn vốn - Quỹ	410		2,289,240,585,187	1,814,044,886,522
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		741,259,233,323	741,259,233,323
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		64,732,000	55,478,600
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		3,725,000,000	3,742,504,800
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		19,679,718,126	19,657,659,813
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		524,511,901,738	49,330,009,986
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		4,900,695,500	278,449,449,791
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7,639,831,215,312	6,575,303,966,777

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

TP. HCM, ngày 30 tháng 09 năm 2010

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

I năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHI TIẾT	Mã số	minh	Quý III		đến cuối quý này	
			Năm 2010	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009
1	1		284,565,811,942	53,851,846,989	967,232,017,849	88,184,006,449
2	3			13,760,000		16,328,000
3	10	VI.22	284,565,811,942	53,838,086,989	967,232,017,849	88,167,678,449
4	11	VI.23	297,589,648,739	31,384,662,666	955,303,337,124	36,646,229,577
5	20		(13,023,836,797)	22,453,424,323	11,928,680,725	51,521,448,872
6	21	VI.24	905,755,425,488	64,022,598,779	1,142,266,976,814	67,474,682,022
7	22	VI.25	1,240,499,906	31,097,926,414	65,145,347,712	(32,510,064,291)
- Trong đó: lãi vay	23		226,899,906	25,992,874,150	34,707,122,220	43,122,431,333
8	24	VI.26	7,634,015,726	13,613,763,226	20,688,557,583	20,477,237,593
9	25	VI.27	19,819,934,559	25,659,924,841	44,686,870,900	46,894,428,169
10	30		864,037,138,500	16,104,408,621	1,023,674,881,344	84,134,529,423
11	31	VI.28	1,784,016,511	814,079,545	6,554,725,470	1,587,006,541
12	32	VI.29	278,011,090,547	6,817,642,828	357,399,396,962	7,023,093,265
13	40		(276,227,074,036)	(6,003,563,283)	(350,844,671,492)	(5,436,086,724)
14	45		(1,291,194,146)	20,573,060,053	(1,291,194,146)	16,544,874,000
15	50		586,518,870,318	30,673,905,391	672,830,209,852	95,243,496,699
16	51		142,419,800,204	7,668,476,348	168,207,552,463	502,080,325
17	52				-	(33,412,724)
18	60		444,099,070,114	23,005,429,043	504,622,657,389	94,774,829,098
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho						
19	61		(1,037,890,683)	(207,314,753)	(13,499,890,683)	(207,314,753)
20	62		445,136,960,797	23,212,743,796	518,122,548,072	94,982,143,851
	70					

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Kế toán trưởng

TP. HCM, ngày 30 tháng 09 năm 2010

Tổng Giám đốc

BẢNG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý III năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã Số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SXKD			-	-
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		809,020,858,268	381,967,505,457
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(837,565,834,861)	(592,550,169,719)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(37,699,983,691)	(29,391,066,718)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(34,708,775,214)	(149,850,448,484)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(13,962,584,295)	(10,710,379,323)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2,599,901,941,250	758,145,239,659
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2,239,410,773,940)	(334,617,444,007)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20		245,574,847,517	22,993,236,865
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21		(45,055,726,975)	(21,317,377,583)
2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22		-	50,681,343
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(286,278,700,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	338,613,250,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(645,995,571,472)	(163,513,765,564)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	81,552,986,928
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		32,524,270,905	7,799,142,121
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(658,527,027,542)	(43,093,782,755)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		368,526,767,677	42,888,000,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3,539,258,937,039	1,676,225,907,141
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1,889,065,729,948)	(1,718,314,747,450)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(100,000,000,000)	(1,984,051,215)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1,918,719,974,768	(1,184,891,524)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1,505,767,794,743	(21,285,437,414)
Tiền tồn đầu kỳ	60		111,047,910,533	74,255,132,353
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền tồn cuối kỳ	70		1,616,815,705,276	52,969,694,939
33				

Lập, Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÑÒA ỐC SÀI GÒN THƯƠNG TÍN
THUYẾT MINH BÀU CÀU TÀI CHÍNH HỘP NHAÁT**

Cho Quỹ tài chính III kết thúc ngày 30/09/2010

(Theá hién baèng ñoàng Vieät Nam, ngoàii tròø trööøng hộp còu ghi chuù baèng ñoàng tién khàuc)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002210 ngày 29/3/2004, và đăng ký thay đổi đến lần thứ 15 ngày 02/02/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới số 0303315400

Tổng vốn điều lệ của Công ty: 1.000.000.000.000 VND

2. Tên giao dịch, trụ sở

Công ty có tên giao dịch quốc tế là:

Trụ sở của Công ty đặt tại 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ - Thương mại - Sản xuất

4. Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh nhà. Môi giới bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Tư vấn bất động sản (trừ các dịch vụ mang tính chất pháp lý). Quản lý bất động sản. Đầu tư xây dựng – kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư. Xây dựng công trình dân dụng, kỹ thuật. Trang trí nội thất. Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình)./. Bổ sung: Tư vấn đấu thầu. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng. Bổ sung: Dịch vụ bán đấu giá tài sản. Bổ sung: Mua bán kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, hàng tiêu dùng cá nhân và gia đình, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất công – nông nghiệp. Dịch vụ quảng cáo thương mại. Tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại, quảng cáo trưng bày, giới thiệu hàng hóa. Dịch vụ tiếp thị. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán). Sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở). Đào tạo dạy nghề. Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế. Kinh doanh khu vui chơi, giải trí (không hoạt động tại trụ sở). In trên bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán thiết bị ngành in. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Bổ sung: Giáo dục mầm non. Giáo dục bậc tiểu học. Giáo dục bậc trung học cơ sở. Giáo dục bậc trung học phổ thông. Bổ sung: Mua bán ô tô. Dịch vụ sửa chữa bảo hành ô tô (không gia công cơ khí, xi ạm điện tại trụ sở). Mua bán máy móc thiết bị ô tô. Lập dự án đầu tư. Thẩm tra dự án đầu tư. Quản lý dự án đầu tư. Bổ sung: Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.

5. Tổng số các Công ty con: 12 Công ty.

6. Tổng số các Công ty liên doanh, liên kết: 04 Công ty.

7. Danh sách các Công ty con và Công ty liên kết

Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết	Tổng vốn điều lệ (đồng)
Công ty CP Năng lượng Thương Tín	Số 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q3, HCM	Sản xuất Thương mại Dịch vụ	51%	51%	100.000.000.000

**CÔNG TY COÀ PHÀN NÒA OÁC SAØI GOØN THỒNG TÍN
THUYẾT MINH BÀU CÀU TÀØI CHÍNH HỒI NHAÁT**

Cho Quỳ tài chính III kết thúc ngày 30/09/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoài trừ trừợng hõp cõ ghi chũ bằng đồng tiền khãc)

Công ty CP Du lịch Thương Tín	Số 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q3, HCM	Xây dựng Dịch vụ Thương mại	60%	60%	50.000.000.000
Công ty TNHH Mộc Thương Tín	177 – 179 Nguyễn Thái Học, P. Phạm Ngũ Lão, Q. 1, HCM	Sản xuất Thương mại Dịch vụ	70%	70%	10.000.000.000
Công ty TNHH MTV KD Dịch Vụ Địa Ốc SGTT	Số 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q3, HCM	Dịch vụ	100%	100%	6.000.000.000
Công ty TNHH Quản lý Tư vấn Bất động sản Thương Tín	Số 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q3, HCM	Dịch vụ	100%	100%	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV Thương Tín 7	Số 266 - 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q3, HCM	Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ	100%	100%	30.000.000.000
Công ty TNHH MTV Thương Tín 4	Số 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q3, HCM	Sản xuất Thương mại Dịch vụ	100%	100%	30.000.000.000
Công ty TNHH MTV Thương Tín 9	Số 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q3, HCM	Xây dựng Kinh doanh Dịch vụ	100%	100%	30.000.000.000
Công ty CP Xây dựng Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Số 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q3, HCM	Xây dựng Dịch vụ Thương mại	80%	80%	24.000.000.000
Công ty TNHH MTV Quản lý và KD Sân Golf Thương Tín Đà Lạt	42 Nguyễn Chí Thanh, P. 1, Đà Lạt, Lâm Đồng	Dịch vụ Thương mại Sản xuất	100%	100%	50.000.000.000
Công ty TNHH MTV SXKD VLXD Thương Tín	Số 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q3, HCM	Sản xuất Kinh doanh	100%	100%	20.000.000.000
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Sài Gòn Thương Tín	Số 201A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q3, HCM	Sản xuất Kinh doanh	100%	100%	3.000.000.000

Công ty liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết	Tổng vốn điều lệ (đồng)
Công ty CP ĐT BĐS SGTT Tân Thắng	278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, Tp. HCM	Xây dựng Dịch vụ	30%	30%	321.000.000.000
Công ty CP Địa ốc Dũng Anh	Số 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q3, HCM	Kinh doanh	25%	25%	320.000.000.000
Công ty TNHH TK – XD Toàn Thịnh Phát	Số 262A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q3, HCM	Sản xuất Thương mại Dịch vụ	35%	35%	17.500.000.000
Công ty CP Thẩm Định Giá Thương Tín	Số 27 Lý Thường Kiệt, Quận Tân Bình, TP.HCM.	Dịch vụ	20%	20%	5.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÑÒA OÁC SÀI GÒN THỜNG TÍN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý tài chính III kết thúc ngày 30/09/2010

(Theá hién baèng ñoàng Vieät Nam, ngoaïi trøø trööøng hïp còu ghi chuù baèng ñoàng tieàn kháuc)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không chủ định trình bày nhằm cung cấp các thông tin tài chính theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ ngoài Việt Nam

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán áp dụng

1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín và các Công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho từng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm Công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả cũng được ghi nhận theo giá trị sổ sách tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Đầu tư vào Công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một Công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được bao gồm trong giá trị sổ sách của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÑÒA OÁC SÀI GÒN THỔNG TÍN
THUYẾT MINH BÀU CÀU TÀI CHÍNH HỔP NHAÁT
Cho Quý tài chính III kết thúc ngày 30/09/2010

(Theá hiẽn bằng ñàng Viẽn Nam, ngoài trừ trừõng hỏp cũ ghi cũu bằng ñàng tiẽn khầu)

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, Nhóm Công ty ghi nhận phần tỷ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn sở hữu tương ứng của Nhóm Công ty. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Nhóm Công ty với Công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong Công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

3. Đầu tư vào Công ty liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Các liên doanh được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4. Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá trị thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết: Nếu có cơ sở thu thập, dự phòng giảm giá chứng khoán sẽ được trích lập vào chi phí trong kỳ; Nếu không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý của chúng, sẽ được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

6. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

7. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm các chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án kinh doanh bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÑÒA OÁC SÀI GÒN THỜNG TÍN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẢT

Cho Quý tài chính III kết thúc ngày 30/09/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoài trừ trừ đồng hợp cò ghi chuò bằng đồng tiền khấu)

Hàng hóa bất động sản: Bao gồm quyền sử dụng đất, nhà hoặc nhà và quyền sử dụng đất, cơ sở hạ tầng mua để bán trong kỳ hoạt động kinh doanh bình thường.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

9. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định thuê tài chính: Là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê. Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình, thuê tài chính được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	02 – 06 năm
Phương tiện vận tải	07 năm
Thiết bị quản lý	02 – 10 năm
TSCĐ khác	02 – 03 năm
Phần mềm kế toán	06 – 08 năm

10. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty con được phân bổ trong thời gian 10 năm. Bất lợi thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty con được ghi nhận vào thu nhập trên báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí trả trước

CÔNG TY CỔ PHẦN ÑÒA OÁC SÀI GÒN THỔNG TÍN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỐI NHAÁT

Cho Quý tài chính III kết thúc ngày 30/09/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trừ đồng hối cò ghi chuò bằng đồng tiền khác)

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh không quá 3 năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng;
- Chi phí sửa chữa văn phòng.
- Lãi vay liên quan đến việc đầu tư xây dựng các dự án

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: chưa được trích lập.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu niêm yết.

14. Ghi nhận thu nhập và chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

c) Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

d) Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

e) Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÑÒA OÁC SÀI GÒN THỜNG TÍN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHAÁT

Cho Quý taøi chính III kết thúc ngày 30/09/2010

(Theo hiến pháp ñàng Việt Nam, ngoài trừ trừợng hợp cụ ghi chú ñàng tiên khấu)

Chi phí

Chi phí được ghi nhận khi thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

15. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có. Các khoản lỗ sau khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được chuyển sang các năm sau theo kế hoạch chuyển lỗ đăng ký với cơ quan thuế.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

16. Tiền lương, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương căn bản quy định trong hợp đồng lao động như sau: bảo hiểm xã hội được trích vào chi phí là 16% và 6 % từ lương nhân viên; bảo hiểm y tế phải nộp gồm 3% trích vào chi phí và 1,5% từ lương nhân viên; bảo hiểm thất nghiệp trích 1% vào phí và 1% từ lương nhân viên.

17. Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng dự án hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Các chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý Tài chính III kết thúc ngày 30/09/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền		30/09/2010	01/07/2010
Tiền mặt		680,493,038	1,160,934,479
Tiền gửi ngân hàng	(*)	533,135,212,238	102,508,847,052
Cộng		<u>1,083,000,000,000</u>	<u>34,961,801,250</u>
		1,616,815,705,276	138,631,582,781

(*) Bao gồm:	USD	Tương đương VND
Tiền gửi bằng Việt Nam đồng	-	532,726,828,266
Tiền gửi bằng USD	<u>21,661.00</u>	<u>408,383,972</u>
Cộng	<u>21,661.00</u>	<u>533,135,212,238</u>

(**) Bao gồm:	
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng	1,083,000,000,000
Chứng chỉ có giá	-
Cộng	<u>1,083,000,000,000</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		30/09/2010	01/07/2010
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(2.1)	283,024,457,636	210,275,134,376
Đầu tư ngắn hạn khác	(2.2)	438,051,147,501	238,348,217,236
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.3)	<u>(71,943,067,463)</u>	<u>(72,788,066,175)</u>
Cộng		<u>649,132,537,674</u>	<u>375,835,285,437</u>

(2.1) Bao gồm:	Số lượng cổ phiếu	Giá mua/CP	Trị giá đầu tư	Dự phòng giảm giá (2.3)
LSS	42,650	14,590	622,272,201	-
STB	11,248,450	25,106	<u>282,402,185,435</u>	<u>(71,943,067,463)</u>
Cộng chứng khoán ngắn hạn			<u>566,048,915,272</u>	<u>(71,943,067,463)</u>

(2.2) Bao gồm:	
Các khoản góp vốn đầu tư nền đất, góp vốn xây dựng; quyền thuê căn hộ; quyền sở hữu nhà ở	369,294,147,501
Cho vay ngắn hạn đến các công ty và cá nhân	68,757,000,000
Trái phiếu Chính phủ	-
Cộng	<u>438,051,147,501</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý Tài chính III kết thúc ngày 30/09/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phải thu khách hàng	1,055,002,100,709	202,914,323,709
Trả trước người bán	261,900,536,163	528,321,524,329
Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	-	3,309,972,009
Phải thu khác	457,072,775,731	1,000,234,115,499
Cộng	1,773,975,412,603	1,734,779,935,546
Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi	(32,581,150)	(32,581,150)
Cộng giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	1,773,942,831,453	1,734,747,354,396

(*) Phải thu khác bao gồm:

		30/09/2010
Ứng vốn đến các cá nhân khác (không lãi suất)		200,000,000,000
Phải thu liên quan đến việc góp vốn hợp tác kinh doanh		51,926,011,666
Khoản ứng vốn đến các công ty con (không lãi suất)		
Phải thu lãi cho vay		11,172,193,267
Phải thu từ Công ty CP XD-TV-ĐT Bình Dương liên quan đến biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư dự án khu dân cư - dịch vụ Tân Bình - Dĩ An - Bình Dương		81,089,445,600
Phải thu từ việc ứng vốn đầu tư bất động sản		93,400,000,000
Các khoản phải thu khác		19,485,125,198
Cộng		457,072,775,731

4. Hàng tồn kho		30/09/2010	01/07/2010
Nguyên vật liệu		-	389,397,645
Công cụ dụng cụ		-	28,093,898
Chi phí SXKD dở dang (*)		1,491,818,843,006	2,410,465,971,666
Thành phẩm			1,443,382,677
Hàng hóa bất động sản (**)		397,006,091,387	365,214,928,470
Hàng hoá		-	278,625,715
Hàng gửi đi bán		-	4,656,781
Cộng		1,888,824,934,393	2,777,825,056,852
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(36,502,264)
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho		1,888,824,934,393	2,777,788,554,588

4. Hàng tồn kho (tiếp theo)

(*) Chi phí SXKD dở dang bao gồm:

		30/09/2010
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng và triển khai việc xây dựng các dự án		1,420,880,364,372
Chi phí lãi vay đã được vốn hóa liên quan đến việc đầu tư xây dựng dự án		65,557,772,306
Chi phí khác		5,380,706,328
Cộng		1,491,818,843,006

() Hàng hóa bất động sản bao gồm**

		30/09/2010
Dự án Belleza		157,148,599,999
Các sản phẩm lẻ		25,088,956,266

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý Tài chính III kết thúc ngày 30/09/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Giá trị quyền sử dụng đất và lệ phí trước bạ, phí công chứng khu đất Mỹ Phước 3	38,475,330,143
Giá trị đất và lệ phí trước bạ đất Dĩ An, Bình Dương	171,994,730,099
Giá trị căn hộ cao cấp dự án New Saigon	4,298,474,880
Cộng	397,006,091,387

5. Tài sản ngắn hạn khác		30/09/2010	01/07/2010
Chi phí trả trước ngắn hạn	5.1	1,162,851,590	953,314,813
Thuế GTGT được khấu trừ		5,180,923,501	6,499,942,014
Các khoản thuế phải thu		4,074,538,711	219,625,909
Tài sản ngắn hạn khác	5.2	61,491,852,454	109,300,792,202
Cộng		71,910,166,256	116,973,674,938

5.1 Bao gồm:

Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1,065,698,808
Chi phí bảo hiểm, thuê kho, thuê đất trả trước	97,152,782
Cộng	1,162,851,590

5.2 Tài sản ngắn hạn khác bao gồm:

Tài sản thiếu chờ xử lý	591,754,388
Các khoản tạm ứng	58,709,602,058
Các khoản đặt cọc thuê văn phòng	1,944,689,578
Đặt cọc khác	245,806,430
Cộng	61,491,852,454

6. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: ngàn đồng

	Nhà cửa, VKT	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Đầu năm	26,016,113	2,582,733	5,098,647	8,635,118	4,202,511	46,535,122
Cuối kỳ	7,000,000	868,164	3,051,290	8,534,705	1,082,958	20,537,117
Hao mòn lũy kế						
Đầu năm	12,042,714	2,022,401	1,993,061	4,281,514	3,436,891	23,776,581
Cuối kỳ	97,222	620,575	984,114	4,425,050	1,073,424	7,200,385
Giá trị còn lại						
Đầu năm	13,973,399	560,332	3,105,586	4,353,604	765,620	22,758,541
Cuối kỳ	6,902,778	247,589	2,067,176	4,109,655	9,534	13,336,732

7. Tài sản cố định thuê tài chính (Phương tiện vận tải)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý Tài chính III kết thúc ngày 30/09/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Nguyên giá	Số tiền
Số dư đầu năm	3,203,776,716
Số dư cuối kỳ	3,203,776,716
Hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1,160,486,077
Tăng	123,605,724
Số dư cuối kỳ	1,284,091,801
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	2,043,290,639
Số dư cuối kỳ	1,919,684,915

8. Tài sản cố định vô hình

	QSDD	PMVT	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	-	1,968,695,412	1,968,695,412
Soá dỡ cuối kỳ	-	2,080,256,639	2,080,256,639
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	1,189,542,381	1,189,542,381
Soá dỡ cuối kỳ	-	1,291,497,456	1,291,497,456
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	-	-	779,153,031
Số dư cuối kỳ	-	788,759,183	788,759,183

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		30/09/2010	01/07/2010
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	9.1	-	108,667,777,891
Đầu tư dài hạn khác	9.2	7,639,831,215,312	6,575,303,966,777
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	9.2.2	-	-
Cộng		7,639,831,215,312	6,683,971,744,668

9.1 Chi tiết các khoản đầu tư thành lập các công ty liên doanh, liên kết

Tên các công ty liên doanh, liên kết	Vốn điều lệ đăng ký	Tỷ lệ sở hữu	Vốn phải góp	Vốn đã góp đến 30/9/2010
Công ty CP Địa ốc Dũng Anh	320,000,000,000	25%	80,000,000,000	22,800,000,000
Công ty CP Thẩm định giá Thương Tín	5,000,000,000	20%	1,000,000,000	1,000,000,157
Công ty Tân Thắng	1,070,000,000,000	30%	321,000,000,000	396,151,941,920
Công ty TNHH MTV KT XD Toàn Thịnh Phát (*)	50,000,000,000	35%	17,500,000,000	21,000,000,000
Cộng	1,445,000,000,000		419,500,000,000	440,951,942,077

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý Tài chính III kết thúc ngày 30/09/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của các Công ty liên kết, liên doanh.

(1,291,194,146)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý Tài chính III kết thúc ngày 30/09/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cộng **439,660,747,931**

9.2 Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác

9.2.1 Tên các công ty góp vốn thành lập:	Vốn điều lệ đăng ký	Tỷ lệ sở hữu	Vốn phải góp	Vốn đã góp đến 30/9/2010
Công ty CP Địa ốc Thanh Đa	1,000,000,000,000	14%	140,000,000,000	56,600,000,000
Cộng				56,600,000,000

9.2.2 Tên các khoản đầu tư mua cổ phần	Số lượng	Mệnh giá	Đơn giá tồn bq	Trị giá đầu tư	Trị giá dự phòng
Công ty CP Kho bãi Bình Tây	10,374	100,000	284,076	2,947,000,000	(*)
Công ty Đầu tư Địa ốc Sài Gòn Chợ Lớn	25,373	100,000	132,706	3,367,140,000	(*)
Công ty CP Serrano VN	432,000	10,000	24,370	10,528,000,000	(608,000,000)
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Long An Idic	950,000	10,000	15,467	14,693,200,000	(443,650,000)
Công ty CP KT và QL KCN Đặng Huỳnh	295,000	10,000	10,000	2,950,000,000	
Công ty CP May Tiến Phát	90,000	100,000	166,772	15,009,492,687	
Công ty CP Thương Tín Bảo Gia	6,000,000	10,000	10,000	60,000,000,000	
Công ty Đầu Tư Xây Dựng Hùng Anh	3,000,000	10,000	11,225	33,676,357,143	
Công ty CP ĐT SGT	5,625,000	10,000	26,179	147,255,286,355	
Công ty CP Thành Thành Công	5,400,000	10,000	30,000	162,000,000,000	
Tổng Cty CP Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco)	100,000	10,000	70,000	7,000,000,000	(2,900,000,000)
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Habubank)	665,319	10,000	34,224	22,769,650,000	(12,230,293,320)
Cộng				482,196,126,185	(16,181,943,320)

(*): Do không có cơ sở để xác định một cách chắc chắn giá trị hợp lý (giá thị trường), theo đó Công ty chưa thể trích lập dự phòng giảm giá vào ngày 30/6/2010 đối với các khoản đầu tư này.

9.3.3 Tên các khoản đầu tư hợp tác kinh doanh	Nội dung hợp tác	Tỷ lệ hợp tác	Vốn đã góp đến 30/9/2010
Công ty XD Công trình 547	Góp vốn để xây dựng CSHT dự án ĐTXD Khu đô thị Cienco 5 tại Vĩnh Phúc.	18 ló	3,240,000,000
Công ty CP NVT	Hợp tác cùng đầu tư kinh doanh dự án Green Field Villages tại Thủ Đức.	80%	133,167,965,480
Công ty DV Công ích Quận 4	Theo bảng ghi nhớ hợp tác, hai Bên cùng đầu tư - XD - KD dự án Khu nhà ở Vĩnh Khánh tại Quận 4, TP.HCM.		2,500,000,000
Công ty DV Công ích Quận 4	Hợp tác cùng đầu tư kinh doanh dự án Khu nhà ở Phú Mỹ tại Quận 7, TP.HCM.	50%	257,148,600,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý Tài chính III kết thúc ngày 30/09/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty DV Công ích Quận 4	Hợp tác đầu tư xây dựng dự án tọa lạc tại số 229 Tôn Thất Thuyết, Phường 1, Quận 4, TP. HCM	50%	26,000,000,000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Lilama SHB	Góp vốn đầu tư phần móng cho dự án 584 Lilama SHB Building	20%	5,316,423,000
Công ty CP Tàu Quốc			68,360,166,766
Công ty CP SGTT Thủ Đức			6,000,050,000
Công ty TNHH SXKD Hai Thành Nguyên Chung cư D1-12 tầng tại Quận 8, TP.HCM.	Hợp tác cùng đầu tư kinh doanh dự án 6 Đơn	50%	104,623,658,060
Cộng			606,356,863,306
Tổng cộng trị giá các khoản đầu tư dài hạn khác			1,145,152,989,491

10. Tài sản dài hạn khác	30/9/2010	01/07/2010
Chi phí trả trước dài hạn (*)	-	-
Tài sản thuế TN hoãn lại	5,345,689,934,625	4,482,809,630,465
Tài sản dài hạn khác (**)	3,283,702,535,205	2,711,380,770,613
Cộng	8,629,392,469,830	7,194,190,401,078

(*) Chi phí trả trước bao gồm:

Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	310,957,696
Chi phí sửa chữa văn phòng, sửa chữa xe chờ phân bổ	4,349,745,723
Chi phí liên quan đến dự án Phú Mỹ	23,434,180,047
Chi phí nhận chuyển nhượng quyền thuê lại 40 năm lô 7+8 KCN Sóng Thần	24,263,811,648
Cộng	52,358,695,114

(**) Bao gồm các khoản đặt cọc thuê văn phòng làm việc, ký quỹ thẻ taxi.

11. Lợi thế thương mại	30/9/2010	01/07/2010
Lợi thế thương mại phát sinh tại Công ty Cổ phần May Tiến Phát	-	15,327,471,911
Lợi thế thương mại phát sinh tại Công ty CP Thành Ngọc	-	7,616,812,210
Lợi thế thương mại phát sinh tại Công ty CP Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	-	5,359,943,688
Lợi thế thương mại phát sinh tại Công ty CP ĐT BĐS SGTT Tân Thắng	-	80,363,550,082
Cộng	-	108,667,777,891

Lợi thế thương mại được phân bổ đều trong 10 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý Tài chính III kết thúc ngày 30/09/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	30/9/2010	01/07/2010
12. Vay và nợ ngắn hạn	(*) 21,214,230,969	21,503,219,447

(*) Bao gồm:

11.1 Vay từ các Ngân hàng

	01/07/2010	Tăng	Giảm	30/09/2010
Sacombank - CN Trần Hưng Đạo	240,892,240,000	586,973,778,607	240,892,240,000	586,973,778,607
Liên Việt - CN Chợ Lớn	2,008,065,000	-	-	2,008,065,000
Ngân Hàng An Bình - Hậu Giang	144,016,596,460	163,954,000,000	87,332,773,326	220,637,823,134
Cộng	386,916,901,460	750,927,778,607	328,225,013,326	809,619,666,741

Vay từ Sacombank - CN Trần Hưng Đạo theo HĐTD LDLD 1027300333 ngày 30/09/2010 đến 30/12/2010 (lãi vay 1,21%) , số tiền vay 515 tỷ , mục đích vay bổ sung vốn lưu động . Hợp đồng LD 1009500015 ngày 05/04/2010 , mục đích vay là bổ sung vốn lưu động

Vay từ Ngân hàng TMCP An Bình - PGD Hậu Giang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0709/10/TD/I.9 ngày 20/05/2010 với hạn mức vay là 250 tỷ đồng . Thời gian cấp hạn mức tín dụng là đến hết ngày 17/05/2011 ; Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động

Vay từ Ngân hàng Liên Việt - CN Chợ Lớn theo hợp đồng chiết khấu giấy tờ có giá kèm khế ước nhận nợ số 150-09/HĐCK-CL ngày 30/11/2009 với số tiền là 2.008.065.000 đồng , mục đích vay là bổ sung vốn lưu động , lãi suất 12% năm , thời hạn vay 12 tháng . Tài sản dùng để đảm bảo cho khoản vay này là chứng chỉ tiền gửi tại Ngân hàng 2 tỷ đồng . Số dư nợ vay đến 30/09/2010 là 2.008.065.000 đồng

12.2 Vay từ các công ty

	30/9/2010
Công ty Toàn Thịnh Phát	500,000,000,000
Công ty CP KT và QL KCN Đặng Huỳnh	200,000,000,000
Công ty CP Thương Tín Bảo Gia	1,000,000,000
Công ty CP Hùng Anh	5,175,216,700
Công ty May Tiến Phát	4,393,354,786
Công ty CP Thành Thành Công	5,000,000,000
Công ty TNHH XD Á Đông	5,000,000,000
BQL DA Tàu Cuốc	
Cộng	720,568,571,486

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý Tài chính III kết thúc ngày 30/09/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Vay công ty Toàn Thịnh Phát theo Hợp Đồng TD số 25TC/HĐTD-TC-2010 lãi suất 0,88% tháng , ngày vay 01/09/2010 ngày đáo hạn 14/05/2011, số tiền vay 500 tỷ.

Vay từ Công ty CP KT và QL KCN Đặng Huỳnh theo hợp đồng vay số 17TC/HĐTD-TC-2010 ngày 20/5/2010, với số tiền vay là 200 tỷ đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay là 06 tháng (đáo hạn ngày 20/11/2010) Lãi suất

Công ty CP Thương Tín Bảo Gia theo hợp đồng số 02/2008-TTBG ngày 25/4/2008 và phụ lục hợp đồng đính kèm với số dư gốc vay là 1 tỷ đồng . Thời hạn vay 25/12/2010 . Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động . Lãi suất vay đến ngày 3

Vay từ Công ty CP May Tiến Phát theo nhiều hợp đồng tín dụng (HĐ số 01/TC/HĐTD-TP-2009, số 02/TC/HĐTD-TP-2009, Số 03/TC/HĐTD-TP-2009 , số 04/TC/HĐTD-TP-2009 ngày 24/11/2009 và các phụ lục đính kèm). Thời hạn không xác định , lãi su

11.3 Vay từ các cá nhân

45,500,000,000

Vay từ các cá nhân với số dư nợ gốc vay 30/09/2010 là 45.500.000.000 đồng với thời hạn vay từ 3 đến 12 tháng. Lãi suất vay từ 1%/tháng đến 1,167%/tháng.

12.4 Phần ngắn hạn của khoản nợ thuê tài chính

183,002,168

Cộng

183,002,168

Tổng cộng vay và nợ ngắn hạn

1,575,871,240,395

13. Phải trả người bán và người mua trả trước

30/9/2010

01/07/2010

Phải trả người bán

2,061,987,399,420

1,771,428,859,852

Người mua trả trước

(*)

335,780,255

687,369,362

Cộng

2,062,323,179,675

1,772,116,229,214

(*) Người mua trả trước bao gồm:

Người mua trả tiền trước

(324,908,366,969)

Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến việc bán các căn hộ do Công ty làm chủ đầu tư

325,244,147,224

Cộng

335,780,255

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

30/9/2010

01/07/2010

Thuế giá trị gia tăng phải nộp

1,041,781,084

923,925,677

Thuế thu nhập doanh nghiệp

181,802,138,755

45,909,971,327

Thuế thu nhập cá nhân

503,576,455

510,581,984

Thuế khác

-

26,760,928

Cộng

183,347,496,294

47,371,239,916

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý Tài chính III kết thúc ngày 30/09/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15. Phải trả công nhân viên	30/9/2010	01/07/2010
Lương còn phải trả cho nhân viên	-	63,285,625

16. Chi phí phải trả	30/9/2010	01/07/2010
Lãi vay còn phải trả	54,458,622,490	21,775,268,538
Lãi vay trái phiếu còn phải trả	41,543,635,800	41,543,635,800
Cộng	96,002,258,290	63,318,904,338

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/9/2010	01/07/2010
(*)	2,289,240,585,187	1,814,044,886,522

(*) Bao gồm:

Bảo hiểm xã hội, BHYT, KPCĐ	137,555,497
Nhận ký quỹ, ký cược	107,276,538,860
Nhận trước tiền bán căn hộ thuộc các dự án	290,443,777,139
Cổ tức năm 2005, 2006 và 2007 còn phải trả	7,175,808,179
Cổ tức năm 2009 còn phải trả	1,052,756,400
Tài sản thừa chờ giải quyết	38,611,858
Cộng	406,125,047,933

18. Vay và nợ dài hạn	30/9/2010	01/07/2010
Vay dài hạn	18.1	1,109,260,700,000
Nợ dài hạn	890,919,165	890,919,165
Trái phiếu phát hành	18.2	951,500,000,000
Cộng	2,061,651,619,165	1,770,678,204,865

18.1 Vay dài hạn

	01/07/2010	Tăng	Giảm	30/09/2010
NH TMCP Liên Việt - CN Chợ Lớn	495,000,000,000	1,800,000,000	-	496,800,000,000
Sacombank - CN Hưng Đạo	306,673,000,000	305,787,700,000	-	612,460,700,000
Cộng				1,109,260,700,000

Vay từ Ngân hàng TMCP Liên Việt - CN Chợ Lớn theo HĐ tín dụng 018-09/HĐTD-CL ngày 20/06/2009 với số tiền vay là 495 tỷ đồng, mục đích vay là bổ sung vốn để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu liên hợp VH TT - Dân cư Tân Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý Tài chính III kết thúc ngày 30/09/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Vay từ Ngân hàng TMCP SGTT - CN Hưng Đạo theo HĐ tín dụng dư nợ giảm dần số LD1012500087 ngày 05/05/2010 với số tiền được vay là 700 tỷ đồng, mục đích vay là thanh toán chi phí chuyển nhượng đất giai đoạn 01 dự án KDC Bắc Rạch Bà Bướm

17.2 Nợ từ Trái phiếu phát hành	30/09/2010	01/07/2010
	951,500,000,000	951,500,000,000
Phát hành 650.000 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu và 250 trái phiếu (1 tỷ đồng/1 trái phiếu) nhằm tài trợ cho dự án Tân Thắng với mức lãi suất từ 9,8%/năm đến 10%/năm. Ngày đáo hạn từ 17/10/2012 đến 10/	900,000,000,000	900,000,000,000
Phát hành 50.000 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu nhằm tài trợ cho dự án Phú Thuận với mức lãi suất là 10%/năm. Ngày đáo hạn là 31/01/2013.	50,000,000,000	50,000,000,000
Phát hành 1 trái phiếu, mệnh giá 1.500.000.000 đồng/trái phiếu nhằm tài trợ cho dự án Phú Mỹ với mức lãi suất là 8%/8 tháng đối với tổng giá trị là 1.500.000.000 đồng (đáo hạn ngày 06/11/2008) của khách hàng Phạm Thị Lsn	1,500,000,000	1,500,000,000
Cộng trái phiếu phát hành (*)	951,500,000,000	951,500,000,000

19. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	30/9/2010	01/07/2010
Vốn đầu tư chủ sở hữu	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	741,259,233,323	741,259,233,323
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	64,732,000	55,478,600
Quỹ đầu tư phát triển	3,725,000,000	3,742,504,800
Quỹ dự phòng tài chính	19,679,718,126	19,657,659,813
Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	524,511,901,738	49,330,009,986
Cộng	4,578,481,170,374	3,628,089,773,044

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 02/02/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 1.000.000.000.000 đồng, được chia thành 100.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng

19. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

20. Doanh thu thuần

Baùo caùo taøi chính hõp nhaát Q3/2010

01/07-30/09/2010

Trang 24/26

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN THƯƠNG TÍN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý Tài chính III kết thúc ngày 30/09/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Doanh thu từ bán hàng hóa	266,886,764,409
Doanh thu xây dựng	
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	17,679,047,533
<i>Chuyển quyền sử dụng đất</i>	
<i>Môi giới bất động sản</i>	
<i>Cho thuê văn phòng, quản lý toà nhà</i>	
<i>Tư vấn, thiết kế và dịch vụ khác</i>	
Cộng doanh thu	284,565,811,942
Các khoản giảm trừ (thuế tiêu thụ đặc biệt)	-
Doanh thu thuần	284,565,811,942
21. Giá vốn hàng bán	01/07-30/09/2010
Giá vốn hàng hóa đã bán	296,746,562,665
Giá vốn xây dựng	
Giá vốn từ hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
Giá vốn dịch vụ	843,086,074
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	
Cộng	297,589,648,739
22. Doanh thu hoạt động tài chính	01/07-30/09/2010
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	12,527,084,660
Cổ tức, lợi nhuận được chia	435,554,292
Lãi chênh lệch tỷ giá	-
Lãi từ chênh lệch mua, bán chứng khoán, chuyển nhượng vốn góp	892,792,786,536
Cộng	905,755,425,488
23. Chi phí tài chính	01/07-30/09/2010
Chi phí lãi vay	226,899,906
Loã do chênh lệch tỷ giá	-
Chi phí đổi phương giảm giá các khoản tài chính	-
Loã tởø vieăc chuyeãn nhôõing quyeãn mua caên hoă	-
Loã tởø cheãn leăch mua baùn chôõng khoàun	668,600,000
Chi phí tài chính khác	345,000,000
Coãng	1,240,499,906

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý Tài chính III kết thúc ngày 30/09/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

24. Chi phí bán hàng

01/07-30/09/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý Tài chính III kết thúc ngày 30/09/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi phí nhân viên	2,948,708,964
Chi phí công cụ dụng cụ	352,618,346
Chi phí khấu hao	9,050,193
Chi phí bảo hành công trình	
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền	4,323,638,223
Cộng	7,634,015,726
25. Chi phí quản lý doanh nghiệp	01/07-30/09/2010
Chi phí nhân viên quản lý	9,728,978,484
Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	1,869,031,674
Phân bổ lợi thế thương mại	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	872,497,680
Thuế, phí và lệ phí	80,646,764
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền	7,268,779,957
Cộng	19,819,934,559
26. Thu nhập khác	01/07-30/09/2010
Thu lãi chậm nộp và lãi phạt vi phạm hợp đồng	116,686,407
Thu lãi chuyển nhượng cổ phần	-
Thu từ thanh lý TSCĐ và CCDC	410,909,091
Xử lý các khoản công nợ phải trả	
Thu nhập khác	1,256,421,013
Cộng	1,784,016,511
27. Chi phí khác	01/07-30/09/2010
Chi phí lãi phạt hợp đồng	
Xử lý khoản lãi vay không thu từ Chứng khoán Bản Việt	36,941,666,667
Hoàn nhập một phần khoản thu nhập đã hạch toán trước đây liên quan đến lợi nhuận phát sinh từ vốn góp hợp tác của Công ty CP Toàn Thịnh Phát	237,628,677,859
Giá trị còn lại của TSCĐ, CCDC thanh lý	191,314,974
Chi phí khác	3,249,431,047
Coäng	278,011,090,547

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý Tài chính III kết thúc ngày 30/09/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. Thông tin khác

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính

Theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông phiên họp thường niên 2009, số 89/2010/QĐ-ĐHCĐ ngày 28/4/2010, Công ty đang tiến hành các thủ tục nhằm mục đích niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội trong giai đoạn 2010-2011

Ngoại sự kiện như đã nêu trên, Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

TP HCM, ngày 30 tháng 9 năm 2010

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc